

Số: /2024/QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG QUYẾT ĐỊNH

Trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng được liệt kê trên địa bàn tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số /TTr-SNN ngày tháng năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý trên địa bàn tỉnh thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển dược liệu quý cùng tham gia thực hiện dự án; bản, xã nơi triển khai dự án; tổ chức và cá nhân có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện dự án dược liệu quý; đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh triển khai hoặc tham gia vào dự án dược liệu quý hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc

thiếu số và miền núi phải sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

Điều 2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý

1. Thông báo tuyển chọn chủ trì liên kết thực hiện dự án được liệu quý

Căn cứ nguồn vốn được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao triển khai thực hiện dự án được liệu quý trên địa bàn huyện, thành phố. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thông báo tuyển chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển được liệu quý theo Mẫu B2.1: Thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án được liệu quý. Thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án được liệu quý được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng (*Báo Sơn La hoặc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh hoặc Đài Phát thanh - Truyền hình huyện*) và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

2. Lập và gửi hồ sơ dự án

Các đơn vị chủ trì liên kết căn cứ thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án được liệu quý, lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án và gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*Thông qua Trung tâm hành chính công huyện, thành phố*). Thời gian chuẩn bị hồ sơ đề xuất thực hiện dự án tối thiểu là 15 ngày làm việc, kể từ ngày phát hành thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án được liệu quý.

Thành phần hồ sơ gồm:

Mẫu B1.1: Giấy đề nghị của Chủ trì liên kết.

Mẫu B1.2: Thuyết minh dự án được liệu quý (*Theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này*).

Mẫu B1.3: Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các thành viên liên kết.

Mẫu B1.4: Lý lịch của Chủ nhiệm dự án.

Mẫu B1.5: Tóm tắt hoạt động của Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có).

Mẫu B1.6: Phương án vay vốn của chủ trì liên kết và từng thành viên liên kết tham gia thực hiện dự án (nếu có).

Mẫu B1.7: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết dự án.

Số lượng bộ hồ sơ: 12 bộ hồ sơ trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc (*Chữ ký trực tiếp hoặc ký số điện tử, có đóng dấu của đơn vị*); 11 bản chụp từ hồ sơ gốc, có

đóng dấu đỏ của đơn vị chủ trì liên kết và 01 bản ghi trên ổ USB (dạng PDF, không cài mật khẩu).

3. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ dự án, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ. Kết quả mở hồ sơ được lập thành biên bản theo Mẫu B2.2: Biên bản mở hồ sơ dự án được liệu quý.

Trường hợp có hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện đánh giá, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp hồ sơ, lập đề nghị gửi đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét theo quy định.

Trường hợp không có hồ sơ hợp lệ, không đủ điều kiện đánh giá, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định việc thực hiện lại quy trình thông báo tuyển chọn chủ trì liên kết thực hiện dự án được liệu quý.

4. Thành lập hội đồng và thẩm định lựa chọn dự án.

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả mở hồ sơ, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố gửi các hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện đánh giá gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án.

b) Hội đồng thẩm định dự án được thành lập trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định dự án.

- Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi triển khai Dự án; đại diện Lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Y tế, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Đại diện Lãnh đạo Ban Dân tộc tỉnh; Đại diện Lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và chuyên gia độc lập (nếu có).

- Cá nhân là người thuộc đơn vị chủ trì liên kết, thành viên liên kết, tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ cho dự án và cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện dự án không được tham gia Hội đồng thẩm định.

c) Phương thức và quy trình làm việc của Hội đồng thực hiện theo Mẫu B2.3: Phương thức, quy trình làm việc của Hội đồng lựa chọn thực hiện dự án.

5. Quyết định lựa chọn dự án

Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày biên bản của Hội đồng thẩm định được thông qua, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành quyết định phê duyệt Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện, thành phố theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chí lựa chọn dự án dược liệu quý

1. Bảo đảm theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương, nằm trong kế hoạch triển khai thực hiện do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Không gây ô nhiễm môi trường.

4. Dự án được đánh giá đạt yêu cầu khi có điểm trung bình tối thiểu là 65 điểm. Dự án được lựa chọn là dự án đạt yêu cầu và có tổng số điểm đánh giá cao nhất. Trường hợp có 02 dự án trở lên có tổng số điểm đánh giá bằng nhau, Hội đồng thẩm định tiến hành thảo luận và thực hiện bỏ phiếu kín để lựa chọn dự án. Trường hợp dự án không đủ điều kiện phê duyệt thì phải có văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 4. Mẫu hồ sơ sử dụng trong lựa chọn dự án dược liệu quý

1. Thực hiện theo biểu mẫu tại Phụ lục Biểu mẫu hồ sơ sử dụng trong lựa chọn dự án ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT (*Trừ Mẫu B1.2: Thuyết minh dự án dược liệu quý; Mẫu B2.5: Phiếu đánh giá hồ sơ dự án dược liệu quý và Mẫu B2.8. Quyết định đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý*).

2. Mẫu Thuyết minh dự án dược liệu quý theo Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Mẫu Biểu đánh giá hồ sơ dự án dược liệu quý theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Mẫu Quyết định Phê duyệt Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện, thành phố tỉnh Sơn La theo Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản trích dẫn tại Quyết định này hết hiệu lực thi hành hoặc có văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc văn bản bãi bỏ văn bản đó.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Y tế;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các Vụ Pháp chế: Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và PTNT; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Phụ lục I
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Tên thủ tục hành chính: Tiếp nhận, mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ thực hiện dự án dựợc liệu quý.

2. Trình tự thực hiện

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng Dân tộc huyện, thành phố	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thành phố tại Trung tâm PV HCC huyện, thành phố	Tiếp nhận hồ sơ	½ ngày
Bước 2	Phòng Dân tộc huyện, thành phố tiếp nhận	Lãnh đạo phòng Dân tộc huyện, thành phố	Phân công xử lý	½ ngày
Bước 3	Tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ và xem xét trình ký duyệt	Lãnh đạo phòng Dân tộc huyện, thành phố	(1) Biên bản mở hồ sơ dự án dựợc liệu quý. (2) Tờ trình của UBND huyện, thành phố lên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hoặc văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định việc thực hiện lại quy trình thông báo tuyển chọn chủ trì liên kết thực hiện dự án dựợc liệu quý. (3) Thông báo kết quả mở hồ sơ.	05 ngày
Bước 4	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo UBND huyện, thành phố	Ký duyệt	01 ngày

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 5	Lưu sổ và bàn giao	Phòng Dân tộc huyện, thành phố	Vào sổ, phát hành văn bản	½ ngày
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thành phố tại Trung tâm PV HCC huyện, thành phố	Trả kết quả	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện:				08 ngày

3. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có).

4. Thành phần hồ sơ

Mẫu B1.1: Giấy đề nghị của Chủ trì liên kết.

Mẫu B1.2: Thuyết minh dự án dựợc liệu quý (Theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này).

Mẫu B1.3: Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các thành viên liên kết.

Mẫu B1.4: Lý lịch của Chủ nhiệm dự án.

Mẫu B1.5: Tóm tắt hoạt động của Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có).

Mẫu B1.6: Phương án vay vốn của chủ trì liên kết và từng thành viên liên kết tham gia thực hiện dự án (nếu có).

Mẫu B1.7: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết dự án.

5. Số lượng hồ sơ

12 bộ hồ sơ trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc (Chữ ký trực tiếp hoặc ký số điện tử, có đóng dấu của đơn vị); 11 bản chụp từ hồ sơ gốc, có đóng dấu đỏ của đơn vị chủ trì liên kết và 01 bản ghi trên ổ USB (dạng PDF, không cài mật khẩu).

6. Thời gian giải quyết: 08 ngày làm việc (*kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ*).

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

8. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND huyện, thành phố.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Biên bản mở hồ sơ dự án được liệu quý.

- Tờ trình của UBND huyện, thành phố lên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hoặc văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định việc thực hiện lại quy trình thông báo tuyển chọn chủ trì liên kết thực hiện dự án được liệu quý.

- Thông báo kết quả mở hồ sơ.

10. Phí, lệ phí (nếu có): Không

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thực hiện theo biểu mẫu tại Phụ lục Biểu mẫu hồ sơ sử dụng trong lựa chọn dự án ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT (Mẫu B1.1: Giấy đề nghị của Chủ trì liên kết).

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Tên thủ tục hành chính: Thẩm định, phê duyệt dự án dự án dự án dự án dự án.

2. Trình tự thực hiện

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ	½ ngày
Bước 2	Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận	Lãnh đạo Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	Phân công xử lý	½ ngày
Bước 3	Thành lập Hội đồng thẩm định dự án	Lãnh đạo Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	(1) Tờ trình thành lập Hội đồng thẩm định dự án của Sở Nông nghiệp và PTNT. (2) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định của Chủ tịch UBND tỉnh.	05 ngày
Bước 4	Thẩm định dự án	Hội đồng thẩm định dự án	(1) Biên bản của Hội đồng thẩm định. (2) Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ.	10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định
Bước 5	Phê duyệt dự án	Lãnh đạo Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT	(1) Tờ trình phê duyệt dự án. (2) Quyết định phê duyệt dự án.	05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Biên

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
				bản của Hội đồng thẩm định
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Trả kết quả	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				22 ngày

3. Cách thức thực hiện

Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: Trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến (nếu có).

4. Thành phần hồ sơ

Mẫu B1.1: Giấy đề nghị của Chủ trì liên kết.

Mẫu B1.2: Thuyết minh dự án được liệu quý (Theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này).

Mẫu B1.3: Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các thành viên liên kết.

Mẫu B1.4: Lý lịch của Chủ nhiệm dự án.

Mẫu B1.5: Tóm tắt hoạt động của Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có).

Mẫu B1.6: Phương án vay vốn của chủ trì liên kết và từng thành viên liên kết tham gia thực hiện dự án (nếu có).

Mẫu B1.7: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết dự án.

5. Số lượng hồ sơ

12 bộ hồ sơ trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc (*Chữ ký trực tiếp hoặc ký số điện tử, có đóng dấu của đơn vị*); 11 bản chụp từ hồ sơ gốc, có đóng dấu đỏ của đơn vị chủ trì liên kết và 01 bản ghi trên ổ USB (*dạng PDF, không cài mật khẩu*).

6. Thời gian giải quyết: 22 ngày làm việc (*kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ*).

7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

8. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Biên bản của Hội đồng thẩm định.
- Quyết định phê duyệt dự án (*Đối với dự án đủ điều kiện phê duyệt*).
- Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ.

10. Phí, lệ phí (nếu có): Không

11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thực hiện theo biểu mẫu tại Phụ lục Biểu mẫu hồ sơ sử dụng trong lựa chọn dự án ban hành kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT (Mẫu B1.1: Giấy đề nghị của Chủ trì liên kết).

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Phụ lục III
MẪU THUYẾT MINH DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sơn La)

**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
LIÊN KẾT**

Số:/TMDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng năm

THUYẾT MINH DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ
(Ghi cụ thể tên dự án dược liệu quý đề xuất thực hiện)

Chương I
MỞ ĐẦU

I. GIỚI THIỆU VỀ CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Đơn vị chủ trì liên kết dự án:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Thành viên tham gia liên kết (liệt kê đầy đủ các thành viên tham gia liên kết)

2.1. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2.2. Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: Email:

2.3. (liệt kê đầy đủ các thành viên tham gia liên kết)

3. Số lượng hộ gia đình tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)

STT	Tên chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Thông tin thẻ căn cước công dân (Số thẻ, ngày cấp, nơi cấp)	Địa chỉ	Điện thoại; Fax	Địa chỉ hòm thư điện tử (Email)	Ghi chú

II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Địa điểm thực hiện triển khai dự án (liệt kê đầy đủ các địa điểm triển khai dự án):

3. Tổng diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến:

4. Tổng mức đầu tư:VNĐ (Số tiền bằng chữ:đồng). Trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nướcVNĐ

- Vốn của chủ trì liên kết:VNĐ

- Vốn của từng thành viên tham gia liên kết:VNĐ

- Vốn tín dụng ưu đãi:VNĐ (của chủ trì liên kết và của từng thành viên liên kết)

- Các nguồn vốn hợp pháp khác:VNĐ

5. Công suất thiết kế và sản phẩm/dịch vụ cung cấp:

III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng; chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển được liên kết với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện nơi triển khai dự án được liên kết.

Trên cơ sở đó lựa chọn và phân tích mức độ cần thiết của dự án đối với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng trong tương lai.

IV. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết, gồm:

- 1. Các văn bản do Trung ương ban hành**
- 2. Các văn bản do tỉnh Sơn La ban hành**

V. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN

- 1. Mục tiêu chung**
- 2. Mục tiêu cụ thể**

Chương II

ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

- 1. Điều kiện tự nhiên vùng thực hiện dự án**
- 2. Điều kiện kinh tế - xã hội vùng dự án**
- 3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội Huyện.... nơi triển khai dự án**
- 4. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội Xã.... nơi triển khai dự án**

II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

- 1. Nhu cầu thị trường được liên kết**
- 2. Tình hình phát triển cây được liên kết ở địa phương**
- 3. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án**

III. QUY MÔ CỦA DỰ ÁN

- 1. Các hạng mục xây dựng của dự án**
- 2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư**

IV. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

- 1. Địa điểm xây dựng**
- 2. Hình thức đầu tư**

V. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

1. Nhu cầu sử dụng đất
2. Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của dự án
3. Các nội dung khác

Chương III

PHÂN TÍCH QUY MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

I. PHÂN TÍCH QUY MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

II. KỸ THUẬT NHÂN GIỐNG / TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU THEO GACP-WHO

1. Khái quát về cây dược liệu (*giới thiệu về nguồn gen, nguồn gốc giống, bảo tồn lưu giữ, nguồn gen, chọn tạo giống, sản xuất giống gốc, giống thương phẩm, kỹ thuật canh tác, chăm sóc, thu hái, bảo quản...*)

2. Nội dung chủ yếu nuôi trồng dược liệu đạt GACP-WHO (*theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*)

III. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG TƯỚI TIÊU VÀ VƯỜN ƯƠM

1. Hệ thống tưới tiêu
2. Hệ thống vườn ươm
3. Hệ thống đồng ruộng
4. Hệ thống kỹ thuật, công nghệ khác (nếu có)

IV. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ, CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN DƯỢC LIỆU

1. Quy trình công nghệ sơ chế, chế biến sau thu hoạch
2. Quy trình công nghệ, chế biến, sản xuất dược liệu đạt GMP (*theo hướng dẫn Thông tư số 35/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc*)
3. Quy trình công nghệ bảo quản dược liệu đạt GSP (*theo hướng dẫn Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc*)

Chương IV

CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Chuẩn bị mặt bằng
2. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư:
3. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật
4. Giải pháp thiết kế mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật
5. Phương án tổ chức thực hiện
6. Phân đoạn thực hiện và tiến độ thực hiện, hình thức quản lý
7. Các giải pháp khác (nếu có)

II. NỘI DUNG LIÊN KẾT CỦA DỰ ÁN

1. Liên kết cung cấp và sử dụng giống cây dược liệu từ dự án Trung tâm giống với dự án vùng trồng dược liệu (*thuộc dự án dược liệu quý*)
2. Sản phẩm dược liệu quý thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Hình thức liên kết:
6. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:
7. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết
8. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

Chương V

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG

III. NHẬN DẠNG, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình

2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN VỀ QUY MÔ, CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

V. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU MÔI TRƯỜNG

1. Giai đoạn xây dựng dự án

2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

VI. KẾT LUẬN

Chương VI

VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN

1. Tổng vốn đầu tư

(Các nội dung tổng mức đầu tư, chi phí xây, lắp đặt, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và dự phòng phí - giải trình các khoản đầu tư)

1.1. Đối với nội dung đầu tư xây dựng cơ bản (Nhà xưởng, hệ thống đường giao thông, hệ thống nước, hệ thống điện....) sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện

Đối với từng nội dung đầu tư phải có:

- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
- Bản vẽ thiết kế.
- Dự toán chi tiết.

1.2. Đối với nội dung đầu tư giống, phân bón, máy móc, thiết bị và các nội dung mua sắm khác sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện

Đối với từng nội dung đầu tư phải có:

- Dự toán chi tiết.
- Thuyết minh dự toán chi tiết.
- Ba báo giá đối với nội dung mua sắm dưới 50 triệu đồng; Chứng thư thẩm định giá đối với nội dung mua sắm trên 50 triệu đồng.

2. Nguồn vốn đầu tư của dự án

Cơ cấu nguồn vốn *(trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp và mức vốn theo từng nguồn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi).*

II. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

- Hỗ trợ cho thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án (cụ thể chi tiết địa điểm, diện tích, mục đích, thời gian, phương án bảo vệ môi trường rừng,...)

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...).....

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,.....)

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,)

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

- Đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao (số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng giống, dự toán chi phí sản xuất giống gốc, giống thương phẩm,.....)

2. Đối ứng của thành viên tham gia liên kết

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

3.1. Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

3.2. Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số kinh phí xin hỗ trợ

3.3. Các hồ sơ gửi kèm (chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết)

III. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1. Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế của dự án

1.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của dự án

1.2. Dự kiến nguồn doanh thu và công suất thiết kế của dự án

1.3. Các chi phí đầu vào của dự án

1.4. Phương án vay vốn (vốn vay tín dụng ưu đãi tại ngân hàng chính sách xã hội, vốn vay tại các Tổ chức tín dụng khác)

1.5. Các thông số tài chính của dự án (Kế hoạch hoàn trả vốn vay, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu, Phân tích theo phương pháp hiện giá thuần - NPV, Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR)

2. Tác động của dự án đối với xã hội (Chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương)

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch, tiến độ dự kiến cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

1. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết.

2. Phương án thực hiện các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản đối với nội dung đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn đầu tư phát triển

3. Phương án mua sắm đối với nội dung hỗ trợ sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn sự nghiệp

4. Phương án quản lý, sử dụng tài sản

5. Quyết toán Dự án hoàn thành

6. Các nội dung khác

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Chi tiết các nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm và kinh phí dự kiến)

1. Ủy ban nhân dân huyện

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Y tế

4. Ban Dân tộc tỉnh

5. Đơn vị chủ trì liên kết

6. Đơn vị khác

III. KIẾN NGHỊ

(Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế).

....., ngày....tháng....năm 20...

Đơn vị quản lý dự án

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày....tháng....năm 20...

Đơn vị chủ trì dự án

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV
MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ ÁN DỰỢC LIỆU QUÝ
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sơn La)

UBND TỈNH SƠN LA
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày tháng năm 202...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Hồ sơ dự án dựợc liệu quý: Tên dự án.....

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:

- Chức vụ:

- Chức vụ trong thành viên HĐTD theo Quyết định số .../QĐ-UBND:

- Đơn vị công tác:

2. Tên dự án:

3. Đơn vị chủ trì liên kết:

4. Thành viên tham gia liên kết:

5. Tên tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có):

6. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá	Ghi chú
1	2	3	4	5
1.	Năng lực kinh nghiệm của đơn vị chủ trì liên kết, và các thành viên liên kết (Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, quy mô, giá trị..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước	5		

	<i>đó...)</i>		
	1.1. Đơn vị chủ trì liên kết	3	
	Chưa thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, không bằng quy mô, giá trị..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự	0	
	Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, không bằng quy mô, giá trị..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước đó...	1,5	
	Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, bằng hoặc vượt quy mô, giá trị..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước đó...	3	
	1.2. Thành viên tham gia liên kết	2	
	Chưa thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, không bằng quy mô, giá trị..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự	0	
	Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, không bằng quy mô, giá trị..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước đó...	1	
	Đã thực hiện dự án tương tự trong 5 năm gần đây về tính chất, bằng hoặc vượt quy mô, giá trị..., đã thực hiện dự án có điều kiện địa lý tương tự, Uy tín của nhà đầu tư thông qua việc thực hiện các dự án tương tự trước đó...	2	
2	Nhân sự của tham gia dự án liên kết (đánh giá trình độ chuyên môn, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án, các thành viên tham gia dự án liên kết, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi...)	10	
	2.1. Nhân sự đơn vị chủ trì liên kết	5	
	Từ 50% trở xuống số lượng nhân sự tham gia các hoạt động đầu tư với trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án dưới 03 năm, thành viên tham gia dự án liên	0	

	kết có trình độ học vấn 12/12, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi chiếm từ 50% trở xuống.			
	Trên 50% - 90% số lượng nhân sự tham gia các hoạt động đầu tư với trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án từ 03 năm trở lên, thành viên tham gia dự án liên kết có trình độ học vấn 12/12, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi chiếm trên 50% - 90%.	2,5		
	Từ 90% trở lên số lượng nhân sự tham gia các hoạt động đầu tư với trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án từ 03 năm trở lên, thành viên tham gia dự án liên kết có trình độ học vấn 12/12, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi chiếm từ 90% trở lên.	5		
	2.2. Nhân sự của các đơn vị thành viên liên kết	5		
	Từ 50% trở xuống số lượng nhân sự tham gia các hoạt động đầu tư với trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án dưới 03 năm, thành viên tham gia dự án liên kết có trình độ học vấn 12/12, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi chiếm từ 50% trở xuống.	0		
	Trên 50% - 90% số lượng nhân sự tham gia các hoạt động đầu tư với trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án từ 03 năm trở lên, thành viên tham gia dự án liên kết có trình độ học vấn 12/12, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi chiếm trên 50% - 90%.	2,5		
	Từ 90% trở lên số lượng nhân sự tham gia các hoạt động đầu tư với trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, năng lực kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án từ 03 năm trở lên, thành viên tham gia dự án liên kết có trình độ học vấn 12/12, tỷ lệ nhân sự tham gia dự án là người dân tộc thiểu số, miền núi chiếm từ 90% trở lên.	5		
3	Năng lực tài chính của chủ trì liên kết và các thành viên liên kết (căn cứ báo tài chính và	20		

	năng lực của chủ trì liên kết và thành viên liên kết			
	3.1. Năng lực tài chính của chủ trì liên kết	10		
	Chiếm dưới 30% tổng vốn đầu tư của dự án	0		
	Chiếm từ 30% - 50% tổng vốn đầu tư của dự án	5		
	Chiếm trên 50% tổng vốn đầu tư của dự án	10		
	3.2. Năng lực tài chính của các thành viên tham gia liên kết	10		
	Chiếm dưới 30% tổng vốn đầu tư của dự án	0		
	Chiếm từ 30% - 50% tổng vốn đầu tư của dự án	5		
	Chiếm trên 50% tổng vốn đầu tư của dự án	10		
4	Báo cáo thuyết minh dự án (Căn cứ vào thuyết minh dự án để nhận xét đánh giá tính đầy đủ, phù hợp, tính khả thi, hiệu quả của dự án...)	65		
	4.1. Địa điểm, quy mô diện tích, đối tượng cây được liệt kê và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng triển khai hiện dự án (Thiếu hoặc sai một tiêu chí thì trừ 1,25 điểm)	5		
	Nhận xét:			
	4.2. Phương án tổ chức triển khai thực hiện: Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng; Phương án thực hiện các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản đối với nội dung đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn đầu tư phát triển; Phương án mua sắm đối với nội dung hỗ trợ sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn sự nghiệp; Phương án quản lý, sử dụng tài sản (Thiếu hoặc sai một phương án thì trừ 1,25 điểm)	5		
	Nhận xét:			
	4.3. Đánh giá về tác động môi trường (tính đầy đủ các quy định và các hướng dẫn về môi trường, dự báo tác động chính của dự án đối với môi trường và các biện pháp giảm thiểu môi trường...) - (Thiếu hoặc sai một nội dung thì trừ	10		

<p>2 điểm)</p> <p><i>Nhận xét:</i></p>			
<p>4.4. Đánh giá về tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện (Tổng mức đầu tư, các chi phí, cơ cấu nguồn vốn của dự án và của từng thành viên tham gia liên kết, dự kiến doanh thu, công suất thiết kế của dự án, phương án vay vốn, các thông số tài chính của dự án....) - (Thiếu hoặc sai một nội dung thì trừ 2 điểm)</p> <p><i>Nhận xét:</i></p>	10		
<p>4.5. Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế và xã hội của dự án (Kế hoạch hoàn trả vốn vay, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu, Phân tích theo phương pháp hiện giá thuần - NPV, Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR; chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương).</p>	25		
<p>4.5.1. Hiệu quả về mặt kinh tế của dự án - Thiếu hoặc sai một nội dung thì trừ 5 điểm</p> <p><i>Nhận xét:</i></p>	15		
<p>4.5.2. Tác động về mặt kinh tế xã hội của dự án - Thiếu hoặc sai một nội dung thì trừ 2 điểm</p> <p><i>Nhận xét:</i></p>	10		
<p>4.6. Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện dự án (đánh giá tính khả thi kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết...) - Thiếu hoặc sai một nội dung thì trừ 2 điểm</p> <p><i>Nhận xét:</i></p>	10		

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục V
MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN VÙNG TRỒNG DƯỢC LIỆU QUÝ

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý trên địa bàn tỉnh Sơn La thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công....;

Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);

Theo đề nghị của Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án)/Hội đồng thẩm định dự án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án (Tên dự án) do Cơ quan (Tên cơ quan) quản lý dự án với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án

2. Chủ đầu tư

3. Chủ trì dự án liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

4. Thời gian triển khai

5. Địa bàn triển khai

6. Mục tiêu Dự án

6.1. Mục tiêu chung

6.2. Mục tiêu cụ thể

7. Tổng chi phí

8. Cơ cấu nguồn vốn (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp và mức vốn theo từng nguồn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi)

9. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

10. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án

11. Đối tượng tham gia

(Chi tiết có Phụ lục Danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý trên địa bàn huyện, thành phố, tỉnh Sơn La gửi kèm theo).

12. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết.

13. Phương án thực hiện các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản đối với nội dung đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn đầu tư phát triển

14. Phương án mua sắm đối với nội dung hỗ trợ sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn sự nghiệp

15. Phương án quản lý, sử dụng tài sản

16. Quyết toán Dự án hoàn thành

17. Các nội dung khác có liên quan (nếu có)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, các nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án:

1. Ủy ban nhân dân huyện

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Y tế.

4. Ban Dân tộc tỉnh

5. Đơn vị chủ trì liên kết

6. Đơn vị khác

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Cơ quan (*Tên Cơ quan quản lý dự án*) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Cơ quan (*Tên Cơ quan được phân công kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này*) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Cơ quan thẩm định dự án /Hội đồng thẩm định đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

